

Họ và tên: lớp 1

BÀI ÔN TOÁN – ĐỀ 1

Phần I: Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng hoặc làm theo yêu cầu.

1. Số 62 gồm:

- A. 6 chục và 0 đơn vị B. 6 chục và 6 đơn vị C. 6 chục và 2 đơn vị

2. Dấu cần điền vào $\square$: $56 - 41 \square 8 + 11$

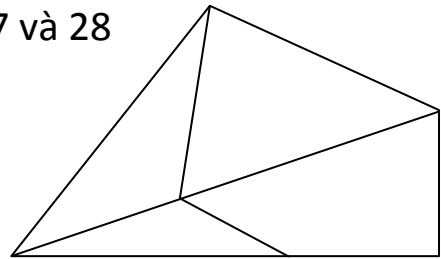
- A. = B. < C. >

3. Số ở giữa số 26 và 29 là:

- A. 27 B. 28 C. 27 và 28

4. Hình vẽ bên có số tam giác là :

- A. 3 tam giác B. 4 tam giác C. 5 tam giác



5. Nối cách viết với cách đọc số:

25

41

Hai mươi lăm

Hai mươi năm

Bốn mươi một

Bốn mốt

6. Số lớn nhất trong các số : 8, 9, 79, 35, 98

- A. 79 B. 9 C. 35 D. 98

7. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

A. $8 - 4 = 9 - 5 \square$

B. $4 + 5 = 8 + 2 \square$

Phần II: Tự luận

Bài 1: Cho các số: 10, 7, 78, 90, 97, 21, 5

a) Xếp các số đó tự từ lớn đến bé:.....

b) Xếp các số đó từ bé đến lớn:.....

b) Trong các số đó: - Số có hai chữ số là:

 - Số tròn chục là :

Bài 2: Đặt tính rồi tính

20 + 20 30 + 10 4 + 30 40 + 40 5 + 20 60 + 30 14 + 3

.....

.....

.....

Bài 3: Tính nhẩm

10cm + 50cm = 30cm + 40cm = 40cm + 50cm =

20cm + 40cm = 60cm + 20cm = 50cm + 20cm =

Bài 4: Cô giáo chia cho tổ một là 30 quyển vở, tổ hai là 40 quyển vở. Hỏi cô đã chia cho cả hai tổ bao nhiêu quyển vở

Tóm tắt:

Tổ một : quyển vở

Tổ hai : quyển vở

Cả hai tổ : quyển vở?

Bài giải:

Bài 5: Điền số tròn chục

20 < < 40

40 < < 60

90 > > > 60

Họ và tên: lớp 1

BÀI ÔN TOÁN – ĐỀ 2

Phần I: Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng hoặc làm theo yêu cầu.

1. Số 8 gồm:

- A. 8 chục B. 8 chục và 8 đơn vị C. 8 đơn vị

2. Dấu cần điền vào $\square$: $80 - 40 \square 42 + 3$

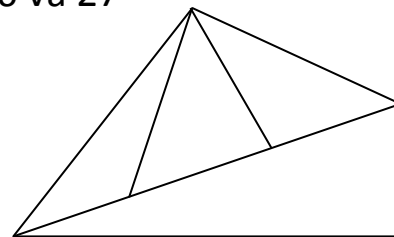
- A. = B. < C. >

3. Số ở giữa số 24 và 27 là:

- A. 26 B. 25 và 26 C. 26 và 27

4. Hình vẽ bên có số tam giác là :

- A. 7 tam giác B. 6 tam giác C. 5 tam giác



5. Nối cách viết với cách đọc số:

35

26

Ba mươi lăm

Ba năm

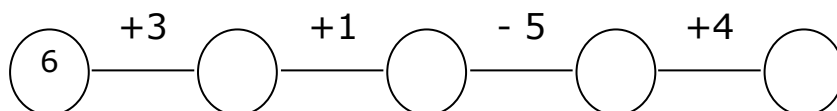
Hai mươi sáu

Hai sáu

6. Số nhỏ nhất trong các số : 8, 9, 79, 35, 98

- A. 79 B. 9 C. 35 D. 98

7. Viết chữ số thích hợp vào ô trống:



Phần II: Tự luận

Bài 1: Đặt tính rồi tính

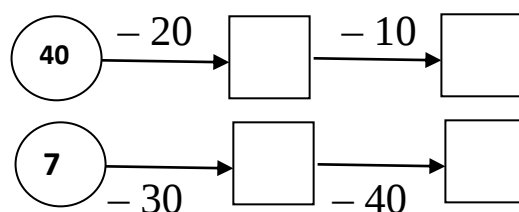
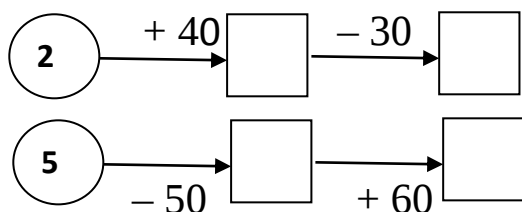
$$70 - 40 \quad 50 - 50 \quad 20 + 70 \quad 50 - 20 \quad 40 - 30 \quad 20 - 20 \quad 60 - 40$$

.....

.....

.....

Bài 2: Số?



Bài 3: Điền dấu $>$, $<$, $=$

$$20 + 40 \square 80 - 30 \quad 60 - 30 \square 20 + 1 \quad 60 - 30 - 10 \square 20 + 10 - 10$$

Bài 4: Cửa hàng có 60 quyển vở. Đã bán được 40 quyển vở. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu quyển vở?

Tóm tắt:

Có : quyển vở

Đã bán : quyển vở

Còn lại : quyển vở?

Bài giải:

.....

.....

.....

Bài 5: Bác Mèo viết lên bảng : $3 - 1 < 3 - \square < 3 + 1$, rồi hỏi: “ Ai điền được số thích hợp vào ô trống?”

Chuột Nâu trả lời :Số 1 ạ!.

Chuột Bạch trả lời: Số 2 ạ!.

Chuột Khoang trả lời: Số 0 ạ!

Trả lời:

Họ và tên: lớp 1

BÀI ÔN TOÁN – ĐỀ 3

Phần I: Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng hoặc làm theo yêu cầu.

1. Số 28 đọc là:

A. Hai tám

B. Hai mươi tám

C. Tám hai

2. Dấu cần điền vào $\square$: $30 + 40 \square 69 + 1$

A. =

B. <

C. >

3. Nhóm các số tròn chục bé hơn 60 là:

A. 9,10; 20; 30; 40; 50

B. 20,30,40,50,60,68

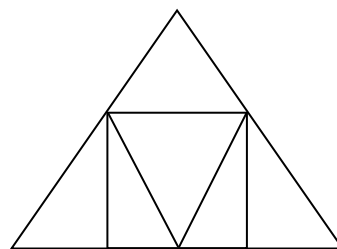
C. 10; 20; 30;40;50

4. Hình vẽ bên có số tam giác là :

A. 7 tam giác

B. 8 tam giác

C. 9 tam giác



5: Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Bao gạo nặng 30kg, Bao ngô nặng 20kg. Bao gạo hơn bao ngôkg

6. Số tròn chục nhỏ nhất trong các số : 9 , 30, 35 , 10 , 60

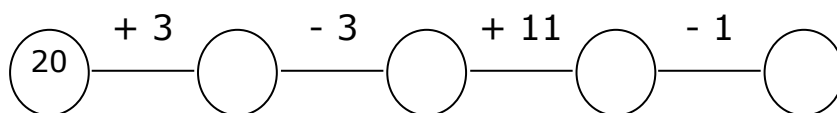
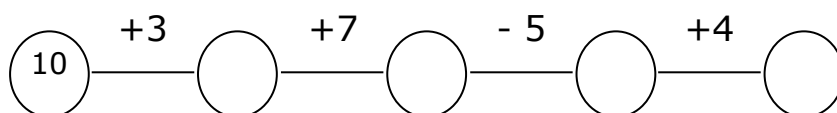
A. 60

B. 9

C. 10

D. 30

7. Viết chữ số thích hợp vào ô trống:



Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$30 + 3 \quad 50 - 40 \quad 5 + 50 \quad 90 - 60 \quad 20 + 70 \quad 80 - 50 \quad 19 - 3$$

.....
.....
.....

Bài 2: Tính

$$30\text{cm} - 20\text{cm} = \text{.....} \quad 50\text{ cm} + 20\text{cm} = \text{.....}$$

$$40\text{cm} + 10\text{cm} = \text{.....} \quad 70\text{cm} - 30\text{ cm} - 20\text{cm} = \text{.....}$$

Bài 3: Cửa hàng có 50 chiếc khăn kẻ và khăn hoa. Trong đó có 20 chiếc khăn hoa. Hỏi cửa hàng có bao nhiêu chiếc khăn kẻ?

Tóm tắt:

Giải:

Có : chiếc khăn

Khăn hoa : chiếc

Khăn kẻ : chiếc?

Bài 4: Cho các số: 0 , 10 , 20 , 30 , 40 , 50 , 60 , 70 , 80 , 90. Hãy viết ra các cặp số sao cho lấy số lớn trừ đi số bé thì có kết quả là 50.

.....
.....
.....

Bài 5: Viết các số gồm

1 chục và 3 đơn vị:.....

3 chục và 8 đơn vị:.....

1 chục và 7 đơn vị;.....

5 đơn vị và 1 chục:.....

2 chục và 0 đơn vị:.....

2 đơn vị và 1 chục:.....
